

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 5 - 2025

Về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đời** và ông **Nguyễn Kim Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thái Phương Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu H** - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Phòng 411 Chung cư A, đường L, tổ 98, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ nơi ở: 149 đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Bị đơn: Ông **Đỗ Công T** - Sinh năm 1984.

Địa chỉ: Phòng 411 Chung cư L, đường L, tổ 98, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21.02.2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H và ông Đỗ Công T tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2019, thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp. Ông Đỗ Công T hay tìm cớ chửi mắng, đe dọa, đánh đập bà Trần Thị Thu H. Mặc dù bà Trần Thị Thu H đã cố gắng khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nên bà Trần Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Công T.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng có hai con chung tên Đỗ Trần Hoàng P (sinh ngày 07.7.2011) và Đỗ Trần Phương U (sinh ngày 14.01.2015). Bà Trần Thị Thu H xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông Đỗ Công T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 08.4.2025, bà Trần Thị Thu H thay đổi ý kiến theo nguyện vọng của con chung và xin để ông Đỗ Công T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Trần Hoàng P, còn bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Trần Phương U cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu H xác định vợ chồng không nợ gì ai.

Đối với bị đơn là ông Đỗ Công T đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đỗ Công T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Thu H và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Bị đơn ông Đỗ Công T đã được triệu tập để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa và tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Thu H và ông Đỗ Công T là trầm trọng, việc chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thu H đối với ông Đỗ Công T. Giao con chung Đỗ Trần Phương U cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đỗ Trần Hoàng P cho ông Đỗ Công T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và nguyên đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Đỗ Công T. Đây là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đỗ Công T có nơi cư trú tại phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Công T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị Thu H và ông Đỗ Công T tự nguyện kết hôn vào năm 2010; Giấy chứng nhận kết hôn số: 68, quyển số 02/2008, đăng ký ngày 04.6.2010 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu H: Bà Trần Thị Thu H cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; ông Đỗ Công T hay chửi mắng, đe dọa, đánh đập bà Trần Thị Thu H. Mặc dù bà Trần Thị Thu H đã nhờ địa phương nơi cư trú can thiệp, khuyên giải nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Về phía ông Đỗ Công T, mặc dù đã

được Tòa án thông báo về việc bà Trần Thị Thu H xin ly hôn cũng như thông báo về các phiên họp và hòa giải nhưng ông Đỗ Công T không có ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ việc. Điều đó chứng tỏ ông Đỗ Công T cũng không có thiện chí và mong muốn hòa giải đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Thu H và ông Đỗ Công T là trầm trọng, đã sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà Trần Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Công T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Đỗ Công T có hai con chung tên Đỗ Trần Hoàng P (sinh ngày 07.7.2011) và Đỗ Trần Phương U (sinh ngày 14.01.2015). Bà Trần Thị Thu H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Trần Phương U và để ông Đỗ Công T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Trần Hoàng P. Mặc dù ông Đỗ Công T không có ý kiến về việc ly hôn cũng như vấn đề nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên khi ly hôn là nghĩa vụ chung của cha mẹ. Cả bà Trần Thị Thu H và ông Đỗ Công T đều có đủ điều kiện để nuôi con. Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung Đỗ Trần Phương U cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đỗ Trần Hoàng P cho ông Đỗ Công T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động; không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thực tế nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của các con chung cũng như quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng không nợ gì ai nên không đề cập đến.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” của bà Trần Thị Thu H đối với ông Đỗ Công T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Đỗ Công T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Đỗ Trần Hoàng P (sinh ngày 07.7.2011) cho ông Đỗ Công T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Đỗ Trần Phương U (sinh ngày 14.01.2015) cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu H xác nhận vợ chồng không nợ gì ai nên không đề cập đến.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Trần Thị Thu H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007813 ngày 07.3.2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Đỗ Công T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Diện